

Bản án số: 67/2023/HS-ST
Ngày 22-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Sự.

Ông Nguyễn Phương Nghĩa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 04 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lăng Văn H**, tên gọi khác: không, sinh ngày 28 tháng 01 năm 1987 tại H, Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lăng Văn T và bà Mông Thị I (đều đã chết); có vợ là Trần Thị H1, sinh năm 1987 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: Ngày 24-7-2020, bị Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cầm cố tài sản không có giấy tờ theo quy định.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11-01-2023 đến ngày 11-3-2023, hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Triệu Xuân T1, sinh năm 1984, nơi cư trú: Xóm C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Hà Hữu Q, sinh năm 1981, nơi cư trú: Xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3. Nông Thị K, sinh năm 1948, nơi cư trú: Khu B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

4. Trần Thị X, sinh năm 1986, nơi cư trú: Xóm P, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

5. Đàm Văn D, sinh năm 1984, nơi cư trú: Xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
 6. Hoàng Thị Đ, sinh năm 1986, nơi cư trú: Nà Pò, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
 7. Nông Văn T2, sinh năm 1985, nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.
 8. Nông Anh N, sinh năm 1986, nơi cư trú: Xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
 9. Luân Kiều T3, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
 10. Đinh Thế C1, sinh năm 2001, nơi cư trú: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.
 11. Đặng Anh T4, sinh năm 1994, nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
- *Người làm chứng:*
1. Nông Lê Huyền T5, sinh năm 1986, nơi cư trú: Xóm T, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
 2. Lục Văn T6, sinh năm 1987, nơi cư trú: N, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
 3. Nguyễn Ngọc T7, sinh năm 1978, nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
 4. Mã Quốc B, sinh năm 1977, nơi cư trú: N, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.
 5. Nguyễn Anh M, sinh năm 1993, nơi cư trú: Khu B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
 6. Nông Thị P, sinh năm 1956, nơi cư trú: C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
 7. Hoàng Văn P1, sinh năm 1987, nơi cư trú: N, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
 8. Đinh Văn T8, sinh năm 1982, nơi cư trú: B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.
 9. Hoàng Văn B1, nơi cư trú: Xóm T, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
 10. Đàm Văn H2, nơi cư trú: Lũng Lãng, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Phòng C2 Công an tỉnh C phối hợp với Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng tiến hành kiểm tra hành chính cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ “Hàng Hoàng” thuộc C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng do Lăng Văn H, sinh năm 1987, trú tại C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng làm chủ. Quá

trình làm việc, Lăng Văn H tự giác giao nộp: 01 cặp sổ màu đen của cá nhân bên trong có chứa tài liệu liên quan đến hoạt động cầm cố tài sản; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng; 01 chiếc xe gắn máy.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Từ tháng 12-2020, trong thời gian hoạt động cầm đồ, Lăng Văn H còn cho vay lãi nặng với lãi suất thỏa thuận từ 3.000 đồng đến 10.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tài sản cầm cố thường là xe mô tô hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng số tiền mà Lăng Văn H đã cho vay là 1.502.700.000 đồng (một tỷ năm trăm linh hai triệu bảy trăm nghìn đồng), số tiền lãi đã thu được 68.650.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), H thu lợi bất chính số tiền 58.865.010 đồng (năm mươi tám triệu tám trăm sáu mươi năm nghìn không trăm mười đồng). Việc trả tiền lãi và tiền gốc được thực hiện bằng cách chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng hoặc tiền mặt, cụ thể như sau:

1. Ngày 09-3-2020, Triệu Xuân T1 sinh năm 1984, trú tại C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với Lăng Văn H để vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 09-4-2020, T1 trả tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 17,10 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính 1.412.330 đồng (một triệu bốn trăm mười hai nghìn ba trăm ba mươi đồng).

2. Tháng 12-2020, Hà Hữu Quyết sinh năm 1981, trú tại xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với Lăng Văn H để vay 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 23-7-2021, Q trả tiền gốc và 6.800.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 5,28 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 5.512.330 đồng (năm triệu năm trăm mười hai nghìn ba trăm ba mươi đồng).

3. Ngày 31-3-2021, Nông Thị K sinh năm 1948, trú tại khu B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với Lăng Văn H để vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 22-11-2021, bà K trả tiền gốc và 19.600.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi suất đã thu gấp 5,03 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 15.704.110 đồng (mười năm triệu bảy trăm linh tư nghìn một trăm mười đồng).

4. Ngày 08-11-2021, Trần Thị X sinh năm 1986, trú tại P, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với H để vay số tiền 6.700.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 30-12-2022, X trả tiền lãi 9.000.000 đồng (số tiền lãi suất đã thu gấp 5,86 lần mức lãi suất quy định), X chưa trả tiền gốc cho H nên hiện nay H vẫn giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H thu lợi bất chính số tiền 7.465.420 đồng.

5. Ngày 01-7-2022, Đàm Văn D sinh năm 1984, trú tại L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng cầm cố một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với H để vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 01-9-2022, D trả hết tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 5,21 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 290.960 đồng.

6. Ngày 29-9-2022, Hoàng Thị Đ sinh năm 1986, trú tại xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng cầm cố một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với H để vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận ban đầu là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 30-12-2022, Đ đã trả tiền lãi là 5.400.000 đồng (số tiền lãi suất đã thu gấp 5,29 lần mức lãi suất quy định), còn tiền gốc Đôi chưa trả nên hiện nay H vẫn giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. H thu lợi bất chính số tiền 4.380.820 đồng.

7. Từ ngày 21-7-2022 đến ngày 28-10-2022, Nông Văn T2 sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng đã 07 lần cầm cố xe mô tô với H để vay tổng số tiền 170.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tổng số tiền lãi đã thu là 4.500.000 đồng, H đã thu lợi bất chính số tiền 3.990.890 đồng, cụ thể:

+ Ngày 21-7-2022, T2 đến hiệu cầm đồ của H cầm cố xe mô tô vay số tiền 20.000.000 đồng, cùng ngày T2 trả hết số tiền vay và 500.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi suất đã thu gấp 45,62 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính 489.040 đồng.

+ Ngày 23-7-2022, T2 cầm cố xe mô tô vay số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 25-7-2022, T2 trả hết số tiền vay và 500.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 15,20 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 467.120 đồng.

+ Ngày 26-7-2022, T2 cầm cố xe mô tô vay H số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 05-8-2022, T2 trả hết số tiền vay và 2.000.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 6,63 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính 1.698.630 đồng.

+ Ngày 08-8-2022, T2 cầm cố xe mô tô vay H 50.000.000 đồng. Đến ngày 09-8-2022, T2 trả hết số tiền vay và 500.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 9,12 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 445.210 đồng.

+ Ngày 27-9-2022, T2 cầm cố xe mô tô vay H số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 28-9-2022, T2 trả hết số tiền vay và 200.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 18,25 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 189.040 đồng.

+ Ngày 11-10-2022, T2 cầm cố xe mô tô vay H số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 26-10-2022, T2 trả hết số tiền vay và 500.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 5,70 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 412.330 đồng.

+ Ngày 28-10-2022, T2 cầm cố xe mô tô vay H số tiền 10.000.000 đồng, cùng ngày T2 trả hết số tiền vay và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 54,75 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 294.520 đồng.

8. Từ tháng 8-2022 đến tháng 9-2022, Nông A N sinh năm 1986; trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng đến hiệu cầm đồ của H cầm cố xe mô tô vay 02 lần với tổng số tiền 32.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tổng số tiền lãi đã thu là 700.000 đồng, H thu lợi bất chính số tiền 673.700 đồng, cụ thể:

+ Ngày 05-8-2022, N vay H số tiền 16.000.000 đồng. Đến ngày 06-8-2022, N trả hết số tiền vay cho H và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 22,81 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 382.470 đồng.

+ Ngày 28-9-2022, N cầm cố xe mô tô vay H số tiền 16.000.000 đồng. Cùng ngày, N trả hết số tiền vay và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 34,21 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 291.230 đồng.

9. Từ ngày 04-5-2022 đến ngày 15-9-2022, Luân Kiều T3, sinh năm 1997, trú tại thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng đến hiệu cầm đồ của H cầm cố xe mô tô để vay tiền 12 lần với tổng số tiền 169.000.000 đồng, H thu lợi bất chính số tiền 4.804.660 đồng, cụ thể:

+ Ngày 04-5-2022, T3 vay H số tiền 20.000.000 đồng, cùng ngày T3 trả hết số tiền vay và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 27,37 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 289.040 đồng.

+ Ngày 30-5-2022, T3 vay H số tiền 40.000.000 đồng, cùng ngày T3 đã trả hết số tiền vay và 800.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 35,5 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 778.080 đồng.

+ Ngày 13-6-2022, T3 vay H số tiền 5.000.000 đồng. Đến ngày 16-4-2022, T3 trả hết số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 54,57 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 294.520 đồng.

+ Ngày 16-6-2022, T3 vay H số tiền 20.000.000 đồng. Cùng ngày, T3 trả hết tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 36,5 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 389.040 đồng.

+ Ngày 20-6-2022, T3 vay H 21.000.000 đồng, cùng ngày T3 trả hết số tiền vay và 800.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 69,52 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 788.490 đồng.

+ Ngày 21-6-2022, T3 vay số tiền 6.000.000 đồng, cùng ngày T3 trả hết số tiền vay và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 91,25 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 296.710 đồng.

+ Ngày 24-6-2022, T3 vay H số tiền 22.000.000 đồng, cùng ngày T3 trả hết số tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 33,18 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 387.950 đồng.

+ Ngày 01-7-2022, T3 vay số tiền 10.000.000 đồng, cùng ngày T3 trả hết số tiền vay và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 73 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 394.520 đồng.

+ Ngày 22-7-2022, T3 vay số tiền 5.000.000 đồng, cùng ngày T3 trả hết số tiền vay và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 109,5 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 297.260 đồng.

+ Ngày 06-9-2022, T3 vay số tiền 6.000.000 đồng, cùng ngày T3 trả hết số tiền vay và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 91,25 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 296.710 đồng.

+ Ngày 07-9-2022, T3 vay H số tiền 6.000.000 đồng, cùng ngày T3 trả hết số tiền vay và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 91,25 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 296.710 đồng.

+ Ngày 15-9-2022, T3 vay số tiền 6.000.000 đồng, cùng ngày T3 trả hết số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 68,43 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 295.620 đồng.

10. Từ tháng 8-2022 đến tháng 10-2022, Đinh Thế C1 sinh năm 2001; trú tại xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng cầm cố xe mô tô với H để vay tiền 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, H đã nhận lại toàn bộ số tiền cho vay và 1.100.000 đồng tiền lãi, H thu lợi bất chính số tiền 919.180 đồng, cụ thể:

+ Ngày 20-8-2022, C1 vay số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 24-8-2022, C1 trả hết số tiền vay và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 10,95 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 272.600 đồng.

+ Ngày 11-10-2022, C1 vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 07-11-2022 C1 trả hết số tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 5,21 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 646.580 đồng.

11. Từ tháng 7-2021 đến tháng 11-2022, Đinh Anh T9 sinh năm 1994; trú tại T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng cầm cố xe mô tô với H để vay tiền 39 lần, với tổng số tiền là 1.038.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận ban đầu là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tổng số tiền lãi H đã nhận là 14.790.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 13.705.620 đồng, cụ thể:

+ Ngày 26-7-2021, T9 vay số tiền 16.000.000 đồng. Ngày 27-7-2021, T9 trả hết số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 17,10 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 282.470 đồng.

+ Ngày 11-8-2021, T9 vay 27.000.000 đồng, cùng ngày T9 trả hết tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 20,27 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 285.210 đồng.

+ Ngày 25-8-2021, T9 vay số tiền 30.000.000 đồng, cùng ngày T9 đã trả hết số tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 24,33 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 385.560 đồng.

+ Ngày 26-8-2021, H cho T9 vay số tiền 30.000.000 đồng, cùng ngày T9 trả hết số tiền gốc và 400.000 đồng (số tiền lãi đã thu gấp 24,33 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 383.560 đồng.

+ Ngày 27-8-2021, T9 vay số tiền 31.000.000 đồng. Đến ngày 31-8-2021, T9 trả hết số tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 23,4 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 383.010 đồng.

+ Ngày 31-8-2021, T9 vay H số tiền 30.000.000 đồng, cùng ngày T9 trả hết số tiền vay và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 24,33 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 383.560 đồng.

+ Ngày 01-10-2021, T9 vay số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 02-10-2021, T9 trả hết tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 9,12 lần mức lãi suất theo quy định), H thu lợi bất chính số tiền 267.120 đồng.

+ Ngày 11-10-2021, T9 vay số tiền 60.000.000 đồng. Cùng ngày, T9 trả hết số tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 18,25 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 567.120 đồng.

+ Ngày 12-10-2021, T9 vay số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 15-10-2021, T9 trả hết số tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 6,02 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 334.250 đồng.

+ Ngày 16-10-2021, T9 vay số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 18-10-2021, T9 trả toàn bộ tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 6,08 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 250.680 đồng.

+ Ngày 10-11-2021, T9 vay H số tiền 20.000.000 đồng, cùng ngày H đã nhận lại toàn bộ số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 27,37 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 289.040 đồng.

+ Ngày 23-12-2021, T9 vay số tiền 20.000.000 đồng, cùng ngày T9 trả hết số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 27,37 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 289.040 đồng.

+ Ngày 25-12-2021, H cho T9 vay số tiền 20.000.000 đồng, cùng ngày H đã thu lại toàn bộ số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, H thu lợi bất chính số tiền 289.040 đồng.

+ Ngày 11-01-2022, T9 vay số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 12-01-2022, T9 trả toàn bộ tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 13,68 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 278.080 đồng.

+ Ngày 13-01-2022, T9 vay số tiền 30.000.000 đồng, cùng ngày H đã nhận lại toàn bộ số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 18,25 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 283.560 đồng.

+ Ngày 07-02-2022, T9 vay số tiền 30.000.000 đồng, cùng ngày H đã nhận lại toàn bộ số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, H thu lợi bất chính số tiền 283.560 đồng.

+ Ngày 11-02-2022, T9 vay số tiền 30.000.000 đồng, cùng ngày H đã thu lại toàn bộ số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, H thu lợi bất chính số tiền 283.560 đồng.

+ Ngày 23-02-2022, T9 vay số tiền 19.000.000 đồng, cùng ngày T9 trả lại toàn bộ số tiền gốc và 250.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 24,01 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 239.590 đồng.

+ Ngày 24-02-2022, H cho T9 vay số tiền 19.000.000 đồng, cùng ngày H đã nhận lại toàn bộ số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 28,81 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 289.590 đồng.

+ Ngày 30-3-2022, T9 vay số tiền 20.000.000 đồng, cùng ngày T9 trả hết số tiền vay và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 27,37 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 289.040 đồng.

+ Ngày 04-4-2022, T9 vay số tiền 21.000.000 đồng, cùng ngày H đã nhận lại toàn bộ số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 26,07 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 289.040 đồng.

+ Ngày 06-4-2022, T9 vay số tiền 20.000.000 đồng, cùng ngày H đã nhận lại toàn bộ số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 27,37 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 289.040 đồng.

+ Ngày 08-4-2022, T9 vay số tiền 20.000.000 đồng, cùng ngày T9 đã trả hết số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, H thu lợi bất chính số tiền 289.040 đồng.

+ Ngày 09-4-2022, T9 vay số tiền 20.000.000 đồng, cùng ngày T9 đã trả hết số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, H thu lợi bất chính số tiền 289.040 đồng.

+ Ngày 06-6-2022, T9 vay số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 27-6-2022, T9 trả hết số tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 10,95 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 372.600 đồng.

+ Ngày 09-6-2022, T9 vay số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 10-6-2022, H3 đã thu lại toàn bộ số tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 14,6 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 372.600 đồng.

+ Ngày 25-6-2022, T9 vay số tiền 25.000.000 đồng, cùng ngày T9 trả hết số tiền vay và 350.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 25,55 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 336.300 đồng.

+ Ngày 01-7-2022, T9 vay số tiền 25.000.000 đồng, cùng ngày T9 trả hết tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 21,9 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính 286.300 đồng.

+ Ngày 04-7-2022, T9 vay số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 06-7-2022, H nhận lại toàn bộ tiền gốc và 350.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 12,77 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 322.600 đồng.

+ Ngày 11-7-2022, T9 vay số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 12-7-2022, H nhận lại toàn bộ số tiền gốc và 350.000 đồng tiền lãi, H thu lợi bất chính số tiền 322.600 đồng.

+ Ngày 15-7-2022, T9 vay số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 27-7-2022, H đã nhận lại toàn bộ số tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 5,05 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 721.920 đồng.

+ Ngày 18-7-2022, T9 vay số tiền 30.000.000 đồng, cùng ngày T9 đã trả lại toàn bộ số tiền gốc và 350.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 21,29 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 333.560 đồng.

+ Ngày 25-8-2022, T9 vay số tiền 25.000.000 đồng, cùng ngày H nhận lại toàn bộ số tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 29,2 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 386.300 đồng.

+ Ngày 19-9-2022, T9 vay số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 20-9-2022, T9 đã trả toàn bộ tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 14,6 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 372.600 đồng.

+ Ngày 22-9-2022, T9 vay 25.000.000 đồng, cùng ngày H đã nhận lại toàn bộ tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 29,2 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 386.300 đồng.

+ Ngày 24-9-2022, T9 vay số tiền 25.000.000 đồng, cùng ngày H đã nhận lại toàn bộ số tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 5,05 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 721.920 đồng.

+ Ngày 07-10-2022, T9 vay số tiền 25.000.000 đồng, cùng ngày H nhận lại toàn bộ số tiền gốc và 350.000 tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 25,55 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính số tiền 336.300 đồng.

+ Ngày 04-11-2022, T9 vay số tiền 60.000.000 đồng, cùng ngày T9 đã trả toàn bộ số tiền gốc và 740.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi đã thu gấp 22,5 lần mức lãi suất quy định), H thu lợi bất chính 707.120 đồng.

Tại phiên toà, bị cáo Lăng Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khai đã được cầm cố tài sản để vay tiền H với số tiền vay, mức lãi suất như H khai, Nông Văn T2 yêu cầu H phải trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá mức quy định, Trần Thị X và Đinh Thế C1 không yêu cầu H phải trả lại số tiền lãi đã thu vượt mức quy định.

Ngày 03-4-2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 17/CT-VKSCB.P2 truy tố Lăng Văn H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lăng Văn H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Lăng Văn H về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lăng Văn H phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Truy thu đối với bị cáo tổng số tiền 297.141.690 đồng, bao gồm: 287.356.700 đồng tiền gốc và tiền lãi 9.784.990 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo phải trả lại tiền lãi đã thu vượt quá mức quy định cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên toà, Trần Thị X và Đinh Thế C1 không yêu cầu bị cáo trả lại tiền thu lợi bất chính, đề nghị Hội đồng xét xử truy thu số tiền thu lợi bất chính của những người liên quan không yêu cầu trả lại để nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Các giấy tờ quá trình điều tra tạm giữ của bị cáo đề nghị xem xét trả lại cho bị cáo để bị cáo thực hiện giao dịch dân sự với người liên quan.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lăng Văn H trình bày lời bào chữa: Hoàn cảnh bị cáo khó khăn và còn nợ ngân hàng số tiền lớn, mong Hội đồng xét xử phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lãng Văn H và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Lãng Văn H hoàn toàn phù hợp với các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là những người đã vay tiền với H và nội dung ghi chép trong các hợp đồng cầm đồ kiêm phiếu chi tiền mà cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét chỗ ở của H, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Từ tháng 3-2020 đến tháng 11-2022, Lãng Văn H đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, với mức lãi suất cho vay từ 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 109%/năm, chênh lệch vượt mức lãi suất 5,475 lần), H đã cho nhiều người vay, cho vay nhiều lượt với tổng số tiền cho vay là 1.502.700.000 đồng (một tỷ năm trăm linh hai triệu bảy trăm nghìn đồng), thu được 68.650.000 đồng (sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền 58.865.010 đồng (năm mươi tám triệu tám trăm sáu mươi năm nghìn không trăm mười đồng).

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Lãng Văn H đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân. Lợi dụng nhu cầu vay tiền để giải quyết các nhu cầu cấp bách phục vụ đời sống của người khác nhưng những người này lại không có đủ điều kiện vay tiền của các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng của Nhà nước hoặc họ chỉ có nhu cầu vay trong thời gian rất ngắn để cho vay với mức lãi suất vượt gấp nhiều lần quy định, thu lợi bất chính số tiền lớn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, Lãng Văn H có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội là nhằm thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi đó của bị cáo Lãng Văn H đã phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Lãng Văn H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lăng Văn H không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Mặc dù bị cáo cho nhiều người vay tiền, nhiều lượt vay nhưng số tiền thu lợi bất chính từng lần cho vay đều dưới 30.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính của tất cả các lần cho vay là trên 30.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: *“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”*; quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là 59.065.010 đồng (năm mươi chín triệu không trăm sáu mươi năm nghìn không trăm mười đồng) tại cơ quan thi hành án dân sự được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo, xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng bảo đảm tác dụng răn đe và giáo dục. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không tiếp tục áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, bị cáo không có chức vụ, nghề nghiệp kinh doanh cấm đồ cũng chỉ để mưu sinh nuôi bản thân và gia đình nên không áp dụng một trong các hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, cấm làm công việc nhất định đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

Đối với khoản tiền dùng để cho vay và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự: Mặc dù tổng số tiền Lăng Văn H đã cho vay qua tất cả các lượt vay là 1.502.700.000 đồng (một tỷ năm trăm linh hai triệu bảy trăm nghìn đồng), nhưng phần lớn người vay đã trả xong tiền gốc và tiền lãi, sau đó trong thời gian ngắn lại vay tiếp, số tiền cho vay mới này cũng là số tiền gốc cho vay đã được trả lại. Căn cứ vào số tiền cho vay, thời gian cho vay, Hội đồng xét xử xác định tổng số tiền gốc dùng cho vay là 287.356.700 đồng (hai trăm tám mươi bảy triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm đồng); khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 9.784.990 đồng (chín triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn chín trăm chín mươi đồng), tổng cộng cả hai khoản trên là 297.141.690 đồng (hai trăm chín mươi bảy triệu một trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm chín mươi đồng), đây tiền phát sinh từ hoạt động tội phạm nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với trường hợp của Hoàng Thị Đ, tại phiên tòa H khai bà Đ đã trả tiền gốc được 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) còn lại 5.000.000 đồng (năm

triệu đồng) tiền gốc chưa trả, số tiền thu lợi bất chính H phải trả lại cho bà Đ là 4.380.820 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi đồng), nhỏ hơn số tiền Đ còn nợ H là: 5.000.000 đồng - 4.380.820 đồng = 619.180 đồng (sáu trăm mười chín nghìn một trăm tám mươi đồng), số tiền còn thiếu này không buộc bà Đ phải trả lại cho H, sau đó mới truy thu từ H để nộp vào ngân sách Nhà nước, mà buộc bà Đ phải nộp vào ngân sách Nhà nước, đồng thời trừ vào số tiền H phải nộp.

Tổng số tiền Lãng Văn H còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước là: 297.141.690 đồng – 619.180 đồng = 296.522.510 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu năm trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười đồng).

Đối với những người vay tiền đã trả hết tiền gốc và tiền lãi thì buộc Lãng Văn H phải trả lại cho họ số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu. Riêng đối với Trần Thị X, X còn nợ H số tiền gốc là 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng), số tiền H thu lợi bất chính phải trả lại cho X là 7.465.420 đồng (bảy triệu bốn trăm sáu mươi năm nghìn bốn trăm hai mươi đồng), số tiền H còn phải trả lại cho bà X là: 7.465.420 đồng – 6.700.000 đồng = 765.420 đồng (bảy trăm sáu mươi năm nghìn bốn trăm hai mươi đồng). Tại phiên tòa, Trần Thị X và Đinh Thế C1 không yêu cầu H phải trả lại số tiền thu lợi bất chính nên không buộc H phải trả lại cho X và C1. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu số tiền này nộp vào ngân sách Nhà nước không có căn cứ chấp nhận, bởi đây là quyền lợi của người vay tiền, khi họ tự nguyện không yêu cầu H trả lại thì H được hưởng số tiền này mà không phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xe máy là tài sản người vay tiền giao cho H quản lý để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền vay, những người này chưa trả tiền cho H, do vậy cần giao lại cho H quản lý khi những người vay trả đủ tiền thì hoàn trả lại cho chủ sở hữu.

[7] Về án phí: Bị cáo Lãng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lãng Văn H** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lãng Văn H số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền Lãng Văn H dùng để cho vay và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 296.522.510 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu năm trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười đồng).

Xác nhận Lãng Văn H đã nộp số tiền 59.065.010 đồng (năm mươi chín triệu không trăm sáu mươi năm nghìn không trăm mười đồng) tại Biên lai thu tiền số 0005050 ngày 11-5-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Số tiền này được dùng để nộp vào ngân sách Nhà nước và khấu trừ vào số tiền H phải nộp, H còn phải tiếp tục nộp ngân sách Nhà nước số tiền là 237.457.500 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Buộc Lãng Văn H phải trả lại khoản tiền thu lợi bất chính phần tiền lãi vượt mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự cho người vay tiền đã trả hết tiền gốc và tiền lãi; người chỉ trả tiền lãi, chưa trả tiền gốc nhưng số tiền H thu lợi bất chính lớn hơn số tiền gốc phải trả với tổng số tiền phải trả lại là 46.093.980 đồng, cụ thể như sau:

1. Trả cho Triệu Xuân T1 số tiền 1.412.330 đồng.
2. Trả cho Hà Hữu Q số tiền 5.512.330 đồng.
3. Trả cho Nông Thị K số tiền 15.704.110 đồng.
4. Trả cho Đàm Văn D số tiền 290.960 đồng.
5. Trả cho Nông Văn T2 số tiền 3.990.890 đồng.
6. Trả cho Nông Anh N số tiền 673.700 đồng.
7. Trả cho Luân Kiều T3 số tiền 4.804.660 đồng.
8. Trả cho Đinh Anh T9 số tiền 13.705.000 đồng.

Buộc bà Hoàng Thị Đ phải nộp lại vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay của Lãng Văn H nhưng chưa trả, sau khi đã trừ đi số tiền thu lợi bất chính mà H phải trả lại cho người vay, với số tiền phải nộp là: 619.180 đồng (sáu trăm mười chín nghìn một trăm tám mươi đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho Lãng Văn H các giấy tờ, tài sản sau:

* 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Triệu Minh L, Hoàng Thị Đ.

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trương Văn V, Trần Thị X.

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Trung B2, Nông Lê Huyền T5.

* Phong bì niêm phong giấy tờ:

+ 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “11 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 chứng minh nhân dân mang tên Mã Quốc B”. Mặt sau có chữ ký của cán bộ điều tra Nguyễn Văn S.

* 10 xe máy:

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu JALING; số loại C100; loại xe: 2 bánh từ 50 - 175cm³; màu sơn: nâu; dung tích xi lanh: 97; số khung: 10001390; số máy: 2001002903; biển kiểm soát: 11F2 - 7946. Tình trạng xe đã cũ.

Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát thực tế của xe trùng với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24-02-2023.

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA; số loại: NOVOU; loại xe: 2 bánh từ 50 - 175cm³; màu sơn: trắng đen; dung tích xi lanh: 132; số khung: 439655; số máy: 439658; biển kiểm soát: 11V1 - 005.56. Tình trạng xe đã cũ.

Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát thực tế của xe trùng với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24-02-2023.

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA; số loại: SIRIUS; loại xe: 2 bánh từ 50 - 175cm³; màu sơn: đỏ đen; dung tích xi lanh: 110; số khung: RLCUE3240HY114557; số máy: E3X9E324359; biển kiểm soát: 49H1 - 362.34. Tình trạng xe đã cũ.

Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát thực tế của xe trùng với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24-02-2023.

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA; số loại: LEAD; loại xe: 2 bánh từ 50 - 175cm³; màu sơn: xanh nâu; dung tích xi lanh: 124; số khung: RLHJF7916HY071370; số máy: JF79E0101368; biển kiểm soát: 11V1 - 078.88. Tình trạng xe đã cũ.

Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát thực tế của xe trùng với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24-02-2023.

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA; số loại: MXKING150; loại xe: 2 bánh từ 50 - 175cm³; màu sơn: xanh đen; dung tích xi lanh: 149; số khung: MH3UG0750KK022592; số máy: G3E6E0492794; biển kiểm soát: 11B1 - 368.59. Tình trạng xe đã cũ.

Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát thực tế của xe trùng với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24-02-2023.

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA; số loại: WAVE; loại xe: 2 bánh từ 50 - 175cm³; màu sơn: đen bạc; dung tích xi lanh: 109; số khung: RLHJA3923MY165538; số máy: JA39E2283685; biển kiểm soát: 11B1 - 516.05. Tình trạng xe đã cũ.

Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát thực tế của xe trùng với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24-02-2023.

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA; số loại: EXCITER; loại xe: 2 bánh từ 50 - 175cm³; màu sơn: xanh đen; dung tích xi lanh: 149; số khung: RLCUG0610JY720084; số máy: G3D4E748813; biển kiểm soát: 11B1 - 307.67. Tình trạng xe đã cũ.

Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát thực tế của xe trùng với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24-02-2023.

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA; số loại: WAVE; loại xe: 2 bánh từ 50 - 175cm³; màu sơn: xanh đen bạc; dung tích xi lanh: 109.1; số khung: RLHJA3905HY613962; số máy: JA39E0589132; biển kiểm soát: 89B1 - 696.46. Tình trạng xe đã cũ.

Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát thực tế của xe trùng với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24-02-2023.

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA; số loại: JA392WAVE; loại xe: 2 bánh từ 50 - 173cm³; màu sơn: đen bạc; dung tích xi lanh: 109.1; số khung: RLHJA3924NY285851; số máy: JA39E02782783; biển kiểm soát: 11V1 - 029.69. Tình trạng xe đã cũ.

Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát thực tế của xe trùng với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24-02-2023.

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA; số loại: WAVE; loại xe: 2 bánh từ 50 - 175cm³; màu sơn: đen bạc; dung tích xi lanh: 109; số khung: RLHJA3926MY229541; số máy: JA39E2349735; biển kiểm soát: 11B1 - 521.32. Tình trạng xe đã cũ.

Qua kiểm tra số khung, số máy, biển kiểm soát thực tế của xe trùng với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 06-4-2023.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 91 ngày 05 tháng 4 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lăng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Lăng Văn H có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQCSĐT Công an tỉnh CB (PC02);
- P.THAHS và HTTP Công an tỉnh CB (PC10).
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB (PC06);
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA (02);
- Cục THA dân sự tỉnh CB;
- Những NTGTT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

Mã Văn Quân